

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 20/7/2020.

“V/v không công nhận quan hệ vợ chồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán -Chủ tọa phiên toà: Bà H'Năm Bkrông.
- Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Nghịch.
Bà Trịnh Thị Oanh.
- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Hải Lý – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 79/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn L –Sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

Bị đơn: Bà Đặng Thị D –Sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn – ông Trần Văn L trình bày như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn L bà Đặng Thị D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 trên cơ sở tình yêu tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2014 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Do không thể tiếp tục chung sống với nhau nên ông L đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông và bà Đặng Thị D theo quy định của pháp luật.

-Về con chung: Quá trình chung sống ông Trần Văn L và bà Đặng Thị D có 03 con chung là cháu Trần Văn B, sinh năm 1991; Cháu Trần Văn H, sinh năm 1993 và cháu Trần Văn C, sinh ngày 08/3/2003.

Ông Trần Văn L có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Văn C, sinh ngày 08/3/2003 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đối với con chung là cháu Trần Văn B, sinh năm 1991 và Trần Văn H, sinh năm 1993 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn L không yêu Tòa án giải quyết.

2. Trong bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn – bà Đặng Thị D trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị D đồng ý với trình bày của ông Trần Văn L về việc hai người chung sống như vợ chồng từ năm 1989 và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống do có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải nên vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay và không muốn tiếp tục chung sống với nhau nữa, vì vậy bà đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của ông L, tuyên bố không công nhận giữa bà và ông Trần Văn L là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

-Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông L có 03 con chung là cháu Trần Văn B, sinh năm 1991, cháu Trần Văn H, sinh năm 1993 và cháu Trần Văn C, sinh ngày 08/3/2003. Bà đồng ý giao cháu Trần Văn C, cho ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đối với hai cháu Trần Văn B, sinh năm 1991 và Trần Văn H, sinh năm 1993 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên bà D cũng không có ý kiến gì.

Quá trình tranh luận, các đương sự không có ý kiến gì thêm về nội dung vụ án, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát huyện Krông Pắc về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

-Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay có thể thấy ông Trần Văn L, bà Đặng Thị D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, tuy nhiên không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của ông bà không được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống ông L, bà D phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến không thể

tiếp tục chung sống nên việc ông L yêu cầu Tòa án không công nhận ông, bà là vợ chồng phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội.

Từ những phân tích trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội;

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Văn L và bà Đặng Thị D là vợ chồng.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Trần Văn L và bà Đặng Thị D, giao cháu C cho ông L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu C tròn 18 tuổi, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với cháu Trần Văn H và Trần Văn B đã trên 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn L và bà Đặng Thị D là quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Ông Trần Văn L và bà Đặng Thị D chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Nay nguyện vọng của ông Trần Văn L yêu cầu Tòa án không công nhận giữa ông và bà Đặng Thị D là vợ chồng là phù hợp, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

Do vậy tuyên bố ông Trần Văn Lương và bà Đặng Thị Dườn không phải là vợ chồng phù hợp với quy định tại các Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

-Về con chung: Ông Trần Văn L và bà Đặng Thị D có 03 con chung là cháu Trần Văn B, sinh năm 1991; cháu Trần Văn H, sinh năm 1993 và cháu Trần Văn C, sinh ngày 08/3/2003.

Trong bản tự khai cháu Trần Văn C có nguyện vọng được sống cùng bố, quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn L và bà Đặng Thị D cũng thống nhất giao con chung là cháu Trần Văn C, sinh ngày 08/3/2003 cho ông Trần Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi, xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Đối với các con chung là cháu Trần Văn B, sinh năm 1991 và cháu Trần Văn H, sinh năm 1993, hiện nay các cháu đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

Bà Đặng Thị D được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên, bà Đặng Thị D không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Văn L không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn L và bà Đặng Thị D không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Trần Văn L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của ông Trần Văn L.

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn L và bà Đặng Thị D.

-Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Văn C, sinh ngày 08/3/2003 cho ông Trần Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đối với các con chung là cháu Trần Văn B, sinh năm 1991 và cháu Trần Văn H, sinh năm 1993 đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

Bà Đặng Thị D được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên, bà Đặng Thị D không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

-Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Văn L không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn L không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

***Về án phí:** Ông Trần Văn L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Trần Văn L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0007277, ngày 04/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- CCTHADS huyện K;
- UBND xã V, huyện K.
- Các đương sự
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

H'Năm Bkrông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

H'Năm Bkrông

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND P.Tân Tiến-TP.BMT.
- Các đương sự
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Dương

